

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671003 - Thí nghiệm Vật lý đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Hoàng	Sa	3671030319	22/04/1994		5,00	5,00	
2	Ngô	Hiếu	3671030322	02/06/1993		5,00	5,00	
3	Dương Thế	Huỳnh	3671030324	08/12/1994		6,30	6,30	
4	Trà Quốc	Bảo	3671030327	04/07/1994		4,70	4,70	
5	Nguyễn Huỳnh	Đoàn	3671030330	06/10/1994		5,00	5,00	
6	Huỳnh Ngọc Thanh	Hoàng	3671030331	23/02/1994		5,00	5,00	
7	Nguyễn Thành	Đồng	3671030337	21/09/1994		,00	,00	Nợ HP
8	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	3671030340	01/07/1994		5,70	5,70	
9	Trần Thanh	Tân	3671030342	26/01/1994		5,30	5,30	
10	Phạm Quốc	Thịnh	3671030346	10/05/1994		6,00	6,00	
11	Nguyễn Thái Anh	Tuấn	3671030349	02/04/1993		,00	,00	Nợ HP
12	Trần Nghĩa	Thảo	3671030352	14/10/1993		6,00	6,00	
13	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993		5,00	5,00	
14	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991		,00	,00	
15	Huỳnh Trí	Tài	3671030361	22/03/1994		,00	,00	Nợ HP
16	Trần Huy	Hoàng	3671030376	14/08/1994		4,00	4,00	
17	Võ Hoàng Anh	Thư	3671030378	04/02/1994		5,30	5,30	
18	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993		,00	,00	
19	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994		5,30	5,30	
20	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994		5,70	5,70	
21	Nguyễn Duy	Châu	3671030398	24/06/1993		,00	,00	Nợ HP
22	Lưu Thanh	Tài	3671030399	07/03/1994		1,70	1,70	
23	Đinh Văn	Nam	3671030401	10/05/1993		6,00	6,00	
24	Trịnh Nam	Hiệp	3671030404	28/07/1993		,00	,00	Nợ HP
25	Nguyễn Phúc	Hậu	3671030409	14/10/1994		,00	,00	
26	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993		,00	,00	
27	Nguyễn Đắc	Lưu	3671030417	03/01/1994		5,70	5,70	
28	Trần Công	Lịch	3671030440	17/07/1994		5,30	5,30	
29	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994		5,30	5,30	
30	Lâm Minh	Đương	3671030446	18/06/1994		4,70	4,70	
31	Trần Ngọc	Đại	3671030447	17/07/1994		5,00	5,00	
32	Phạm Văn	Linh	3671030449	12/09/1994		5,30	5,30	
33	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994		4,00	4,00	
34	Trần Quang	Minh	3671030461	27/08/1994		5,70	5,70	
35	Võ Văn	Cương	3671030472	30/03/1994		,00	,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994		5,00	5,00	
37	Nguyễn Hoài	Sơn	3671030485	18/01/1994		5,00	5,00	
38	Trần Minh	Bảo	3671030488	03/10/1994		,00	,00	
39	Hà Chí	Thành	3671030491	17/06/1994		4,00	4,00	
40	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992		4,00	4,00	
41	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994		4,00	4,00	
42	Phan Nhật	Huy	3671030507	09/02/1994		4,70	4,70	
43	Lê Văn	Trãi	3671030510	23/12/1994		5,00	5,00	
44	Võ Thanh	Toàn	3671030516	28/11/1994		,00	,00	Nợ HP
45	Nguyễn Văn	Tĩnh	3671030518	04/06/1994		5,00	5,00	
46	Võ Trọng	Hữu	3671030519	03/01/1994		4,70	4,70	
47	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994		,00	,00	
48	Châu Quang	Đại	3671031851	15/03/1994		,00	,00	Nợ HP
49	Nguyễn Duy Huy	Hoàng	3671031860	10/04/1994		4,00	4,00	
50	Huỳnh	Phước	3671031913	10/07/1994		4,00	4,00	
51	Bùi Hòa	Bình	3671031943	08/09/1994		,00	,00	Nợ HP
52	Biện Văn	Chính	3671031979	10/12/1994		,00	,00	
53	Nguyễn Thành	Dôn	3671032034	20/05/1994		,00	,00	
54	Nguyễn Hồ Vũ	Cường	3671050415	05/12/1993		,00	,00	Nợ HP

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)